TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VT** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ - ST
Ngày 20/12/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VT, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xột xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Huy Trụ.
2. Bà Đỗ Thị Vân Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hoàng Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố VT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khắc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 492/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 992/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/12/2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1970

***Bị đơn*:** Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1970

Đều ĐKHKTT: Tổ A, phố AC, phường TC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. *(Anh H, chị T có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Nguyễn Xuân H trình bày:

Anh và chị Phạm Thị T ly hôn lần 1 năm 2003 sau đó có đăng ký kết hôn lần hai ngày 13/12/2007 tại trụ sở UBND phường TC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nguyên nhân mà anh H đăng ký kết hôn lại với chị T vì con còn nhỏ, anh thương con và vì trách nhiệm với con. Sau khi anh H và chị Tkết hôn lại thì vợ chồng anh chị sống được với nhau vài tháng sau đó chị T đi xuống Hà Nội để trông con. Đối với việc chị T cho rằng vì anh có quan hệ ngoại tình với chị Đinh Thị Th nên mới bỏ bê vợ con và muốn ly hôn với chị thì anh trình bày anh không có quan hệ ngoài luồng với chị Đinh Thị Th mà do anh H thời gian trước có nhờ người mua thuốc Nam chữa trị tiểu đường

cho mẹ anh H thì gặp gia đình cô Th ở Xóm b, xã MT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ cũng có bố bị ốm nên biết chỗ mua thuốc nam chữa tiểu đường, và anh H có nói chuyện điều kiện, hoàn cảnh của mình nên gia đình cô Th cho mẹ anh H ở nhờ để tiện thuốc thang cho mẹ anh H. Hiện nay, mẹ anh H vẫn đang ở nhờ nhà gia đình của cô Th ở Xóm b, xã MT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ, thỉnh thoảng 3-4 ngày anh H về thăm mẹ một lần. Cuộc sống, công việc của anh H làm ăn là ở VT. Anh H còn trình bày: Do chị T làm mất nhà cửa, dẫn đến công việc của anh bấp bênh. Vì vậy tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn ở với nhau từ lâu, con cái đã trưởng thành nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị .

Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm1992 và cháu Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1996. Các cháu đã khôn lớn trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Vợ chồng anh chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T nhất trí với trình bày của anh H về quan hệ hôn nhân cũng như việc đăng ký kết hôn lần 2, nhưng chị T cho rằng vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì. Chị xác định năm 2003 chị T và anh H thuận tình ly hôn do anh H có quan hệ ngoài luồng với một người tên là Quyên, thời điểm đó do chị T nóng vội, chưa suy xét kỹ về tình cảm vợ chồng nên mới thuận tình ly hôn. Sau khi ly hôn được 2 năm thì đến năm 2005 anh H chủ động gọi điện thoại cho chị T đi cà phê nói chuyện là muốn quay lại chung sống với chị. Chị xét thấy tình cảm vẫn còn nên đồng ý. Đến ngày 21/10/2005 chị T bị vi phạm pháp luật và bị phạt tù 2 năm, trong thời gian đó anh H vẫn qua lại chăm nom 2 con chung cùng mẹ đẻ chị Tvà anh H có thăm nuôi chị tại trại giam Bắc Ninh. Đến ngày 21/10/2007, chị T được mãn hạn tù và đến ngày 13/12/2007 chị T và anh H quay lại đăng ký kết hôn lại lần hai tại Ủy ban nhân dân phường TC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.Thời gian đầu sau khi vợ chồng anh H, chị T đăng ký kết hôn lại vợ chồng chung sống bình thường cùng nuôi dạy con chung đến tháng 12 năm 2014 (âm lịch), sau khi chị T đi Hà Hội trông con trai học đại học được 15 ngày thì chị T phát hiện anh H có biểu hiện lạ sau đó chị T biết được anh H có mối quan hệ với chị Đinh Thị Th ở Xóm b, xã MT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ. Mối quan hệ kéo dài đến tận thời điểm này. Nay anh H xin ly hôn với chị T, chị T xin đoàn tụ vì tình cảm vẫn còn, anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhưng chị T sẵn sàng bỏ qua mọi việc để mong anh H quay về cùng có trách nhiệm với con cái.

Về con chung: Chị thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm1992 và cháu Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1996. Các cháu đã khôn lớn trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung, công sức đúng góp gia đình: Chị thống nhất xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh: Về phía địa phương cung cấp thông tin anh H và chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ A, phố AC, phường TC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ là đúng, về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị khu dân cư không nắm được. Nay anh H làm đơn xin ly hôn tại Tòa án quan điểm của khu dân cư là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc chị T cho rằng anh H có quan hệ bất chính với chị Đinh Thị Th nên mới làm đơn xin ly hôn với chị. Tòa án nhân dân thành phố VT đã ra quyết định ủy thác thu thập chứng cứ đối với Tòa án nhân dân huyện TS và thu thập được như sau: Từ đầu năm 2019 cho tới nay mẹ đẻ anh Nguyễn Xuân H, địa chỉ Tổ A, phố AC, phường TC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ vẫn đang ở tại nhà chị Th. Từ đầu năm 2019 cho tới nay anh H vẫn thường xuyên về nhà chị Đinh Thị Th. Khu dân cư còn cung cấp khoảng 23 giờ ngày 7/6/2016 Ủy ban nhân dân xã MT đã tiến hành kiểm tra việc lưu trú thì phát hiện anh Nguyễn Xuân H có mặt tại nhà Đinh Thị Th ở tại Xóm b, xã MT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ không thực hiện việc khai báo lưu trú, tạm trú tại địa phương. Ban công an xã lập hồ sơ xử lý hành chính và phạt 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xột xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dâb sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự (Vắng mặt khi được triệu tập hợp lệ)

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh H chưa chứng minh được mâu thuẫn thực sự của vợ chồng, anh H chỉ đưa ra được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng về kinh tế là chưa chính đáng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị T.

Do vấn đề xin ly hôn không được chấp nhận nên không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đúng góp gia đình Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng:

-Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Xuân H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn đối với chị Phạm Thị T, Tòa án nhân dân thành phố VT đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được đoàn tụ gia đình do vẫn còn tình cảm với anh H và để vợ chồng cùng có trách nhiệm với con cái.

[2]Về nội dung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị T đã thuận tình ly hôn vào năm 2003, sau đó xét thấy tình cảm vẫn còn nên đăng ký kết hôn lại với nhau lần hai tại Ủy ban nhân dân phường TC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ vào năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu lại. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo anh Nguyễn Xuân H, sau khi đăng ký kết hôn lần hai,vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được vài tháng thì chị T xuống Hà Nội trông con học đại học. Anh H cũng trình bày do chị T làm mất nhà cửa, dẫn đến côngng việc của anh bấp bênh. Vì vậy tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn ở với nhau từ lâu, con cái đã trưởng thành nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Đối với chị Phạm Thị T trong qúa trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị không đồng ý về việc anh H khởi kiện ly hôn, theo chị T trong cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, chị vẫn làm tròn trách nhiệm người mẹ, anh H kiên quyết xin ly hôn với chị vì anh H có người phụ nữ khác, nhưng xét thấy tình cảm vẫn còn với anh H, chị T sẵn sàng bỏ qua mọi lỗi lầm của anh và mong muốn vợ chồng sống đoàn tụ, cùng nhau có trách nhiệm với con cái. Nay chị T xác định vẫn còn tình cảm yêu thương với anh H, khả năng hàn gắn là có thể, hy vọng anh H xem xét tình cảm, để vợ chồng anh chị tìm được tiếng nói chung và cùng nhau vun đắp hạnh phúc. Nguyện vọng của chị T mong muốn Tòa án xem

xét cho được đoàn tụ gia đình với anh H để gìn giữ gia đình, đề nghị Tòa án xem xét và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H thì thấy: Anh H và chị T đều thừa nhận đã một lần thuận tình ly hôn với nhau, sau đó xét thấy vì con cái và vì vẫn còn tình cảm nên quay lại với nhau chung sống, cùng đồng cam cộng khổ những ngày gặp khó khăn sau đó đã đăng ký kết hôn lại lần 2 vào ngày 13/12/2007. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng, do chị T có nghi ngờ anh H có tình cảm với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng có phần không tin tưởng nhau. Anh H xin ly hôn với chị T nhưng anh H không chứng minh được lý do mâu thuẫn của vợ chồng. Nếu anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do chị T làm mất nhà cửa, dẫn đến công việc của anh bấp bênh.Vì vậy tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn nữa, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn ở với nhau từ lâu, con cái đã trưởng thành nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T là chưa chính đáng, bởi tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa chị T khẳng định vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì, mà nguyên nhân chính là do anh H có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, chị biết nhưng chị cho rằng do anh H lầm được lạc lối nên chị vẫn sẵn sàng bỏ qua và vẫn còn tình cảm với anh H và xin đoàn tụ.

Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay chị T vẫn tha thiết mong được đoàn tụ gia đình, điều đó chứng tỏ chị T vẫn còn mặn mà tha thiết đoàn tụ với anh H.

Giữa anh H và chị T sau khi ly hôn lần 1, xét thấy tình cảm với nhau vẫn còn nên tự nguyện quay lại chung sống với nhau và quyết định đăng ký kết hôn lại, có nghĩa là ngoài tình cảm thực sự với nhau anh chị còn có nguyện vọng được pháp luật thừa nhận và bảo vệ quan hệ hôn nhân của anh chị. Để bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình, nhằm để tạo điều kiện cho vợ chồng trở về sống đoàn tụ, hạnh phúc trở lại là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Do con chung đã khôn lớn, trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh H nên Hội đồng xét xử không đề cập đến tài sản chung, nợ chung, công sức đúng góp gia đình.

[3] Từ những phân tích và nhận định, đánh giá như trên, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 19; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân H đối với chị Phạm Thị T.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đúng góp: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận anh H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019 0000341 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố VT)

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền khỏng cáo lên Toà án nhân dân Tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố,tỉnh;*
- *Chi cục thi hành án TP VT;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường TC;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thơm